

Số: **77** /NQ-HĐND

Tam Đường, ngày **16** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách
Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia;

Xét Tờ trình số 1643/TTr-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện dự thảo Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Báo cáo thẩm tra Ban Kinh tế - Xã hội huyện và ý kiến của các đại biểu HĐND huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia với tổng số vốn 284.268 triệu đồng, trong đó:

1. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 82.838 triệu đồng.
2. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 201.430 triệu đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND huyện Tam Đường khóa XXI, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 16/12/2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh ;
- UBND tỉnh ;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tần Thị Quế

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 7/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Tam Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP		
TỔNG SỐ				98.358	82.838	15.520	0	82.838
I	Vốn xây dựng nông thôn mới cấp xã			31.104	31.104	-	-	31.104
1	Nâng cấp đường trục bản Cốc Phụng xã Bản Bo	Chiều dài tuyến L= 0,8km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước và các công trình trên tuyến	2022	804	804			804
2	Làm đường bê tông nội đồng vùng chè Bản Nà Út	Chiều dài tuyến L= 0,8km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước và các công trình trên tuyến	2024-2025	700	700			700
3	Làm đường bê tông nội đồng vùng chè bản Nà Út - Nậm Phát	Chiều dài tuyến L= 0,8km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước và các công trình trên tuyến	2024-2025	700	700			700
4	Đường nội đồng vùng chè bản Hua Sáng	Tuyến 1: Chiều dài tuyến L= 0,5km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước và các công trình trên tuyến Tuyến 2: San gạt, mở rộng nền đường, chiều dài 2 km	2023-2024	816	816			816
5	Bê tông nền Sân và xây dựng các công trình phụ trợ nhà Văn Hóa bản Đông Pao 1	Diện tích 2.200m2	2022	404	404			404
6	Sửa chữa mương thủy lợi Nà Lóc bản Nà Khum	Tổng chiều dài L= 1,2km	2022	400	400			400
7	Làm đường lèn bản cũ Hoa Di Hồ	Chiều dài tuyến L= 3km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước và các công trình trên tuyến	2023-2024	2.216	2.216			2.216
8	Bê tông đường nội đồng Ngải Thầu Cao	Chiều dài tuyến L= 0,4km mặt đường BTXM	2022	459	459			459




STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Chị chú
					Tổng số	Trong đó			
						Ngân sách TW	Ngân sách DP		
9	Bê tông đường nội đồng Sân Phăng Cao	Sân Phăng Cao, xã Khun Há	Chiều dài tuyến L= 0,3km mặt đường BTXM	2022	345	345	345	345	
10	Đường nội đồng bán Can Hồ	Bán Can Hồ, xã Khun Há	Chiều dài tuyến L= 0,8km mặt đường BTXM	2024-2025	1.000	1.000	1.000	1.000	
11	Đường nội đồng nối lên bán Ma Sao Phìn	Sân Phăng Tháp, xã Khun Há	Chiều dài tuyến L= 1,1km mặt đường BTXM	2023-2024	1.216	1.216	1.216	1.216	
12	Sửa chữa, nâng cấp đường ra khu sản xuất bán Chín Chu Chiái (nối tiếp đoạn đầu tư 2018 đến nhà Chang A Dơ)	Bán Chín Chu Chiái, xã Nùng Nàng	Chiều dài tuyến L= 0,3km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	204	204	204	204	
13	Sửa chữa, nâng cấp đường ra khu sản xuất bán Sáy San 3 (Hàng A Sang đến khu sản xuất)	Bán Sáy San 3, xã Nùng Nàng	Chiều dài tuyến L= 0,2km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	200	200	200	200	
14	Sửa chữa, nâng cấp đường ra khu sản xuất bán Nùng Nàng (Công qua đường đến lán Ma A Lừ)	Bán Nùng Nàng, xã Nùng Nàng	Chiều dài tuyến L= 0,2km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	200	200	200	200	
15	Sửa chữa, nâng cấp đường ra khu sản xuất bán Sáy San 3 (nối tiếp đoạn đầu tư 2016 đến khu sản xuất)	Bán Sáy San 3, xã Nùng Nàng	Chiều dài tuyến L= 0,2km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	200	200	200	200	
16	Làm đường ra khu sản xuất bán Nùng Nàng (đường Nùng Nàng-Nậm Tằm đến khu sản xuất)	Bán Nùng Nàng, xã Nùng Nàng	Chiều dài tuyến L= 0,7km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2024-2025	800	800	800	800	
17	Xây dựng nhà thi đấu đá nằng xã Nùng Nàng	Bán Sáy San 1, xã Nùng Nàng	Nhà cấp IV diện tích 200 m2	2023-2024	1.000	1.000	1.000	1.000	
18	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bán	07 ĐƠN LẠO LY PHÙNG, NÙNG NÀNG, SÁY SAN 3, CHÍN CHU CHÁI, PHAN CHU HOA, SÌ MIỀN KHUẬN, xã Nùng Nàng	Nhà cấp IV (05 nhà), xây dựng tường bao và công trình phụ trợ. - Nhà văn hóa bán Lao Ty Phùng: xây vách, lát nền tầng 1, công trình phụ trợ	2024-2025	416	416	416	416	
19	Xây dựng nhà văn hóa bán Tòong Pắn + các hạng mục phụ trợ	Bán Tòong Pắn, xã Bình Lư	Nhà cấp IV diện tích 100m2	2022	350	350	350	350	
20	Sửa chữa nhà văn hóa Nà San	Bán Nà San, xã Bình Lư	Tháo dỡ, sửa chữa các hạng mục hư hỏng trong quá trình sử dụng	2022	90	90	90	90	
21	Nâng cấp đường liên bán Km2, Nà San	Bán Km2, Nà San, xã Bình Lư	Chiều dài tuyến L= 0,35km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	364	364	364	364	
22	Đường nội đồng bán thông nhất	Bán Thông nhất	Chiều dài tuyến L= 0,32km mặt đường BTXM	2024-2025	290	290	290	290	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			
						Ngân sách TW	Ngân sách ĐP		
23	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bán Hưng Bình	Bán Hưng Bình	Tháo dỡ, sửa chữa các hạng mục hư hỏng trong quá trình sử dụng	2024-2025	76	76	76		
24	Nhà văn hóa cụm khu dân cư Bán Nà Kham, Nà Phát	Bán Nà Phát	Nhà cấp IV diện tích 200m2	2024-2025	1.500	1.500	1.500		
25	Nhà văn hóa bán Km2 xã Bình Lư + các hạng mục phụ trợ	Bán Km2	Nhà cấp IV diện tích 100m2	2024-2025	350	350	350		
26	Nhà văn hóa bán Chù Lìn	Bán Chù Lìn, xã Hồ Thầu	Nhà cấp IV diện tích 350m2; Nhà vệ sinh; Công, Tường bao khuôn viên, sân bê tông hoàn thiện	2022	804	804	804		
27	Nâng cấp đường liên bản Gia Khẩu-Chù Lìn	Gia Khẩu - Chù Lìn, xã Hồ Thầu	Chiều dài tuyến L= 0,25km mặt đường BTXM; rãnh dọc thoát nước	2024-2025	370	370	370		
28	Đường nội đồng bán Si Thầu Chải	Si Thầu Chải, xã Hồ Thầu	Chiều dài tuyến L= 1km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2024-2025	1.246	1.246	1.246		
29	Đường nội đồng bán Nhiều Sang	Nhiều Sang, xã Hồ Thầu	Chiều dài tuyến L= 0,5km mặt đường BTXM; rãnh dọc thoát nước	2024-2025	600	600	600		
30	Đường giao thông nội đồng Bãi trầu bán Bán Giang	Bán Giang, xã Bán Giang	Chiều dài tuyến L= 0,9km mặt đường BTXM	2022	804	804	804		
31	Đường giao thông nội đồng bán Nà Bò đi bãi Cam	Bán Nà Bò	Chiều dài tuyến L= 0,5km mặt đường BTXM	2023	600	600	600		
32	Đường giao thông nội đồng bán Suối Thầu	Bán Suối Thầu	Chiều dài tuyến L= 0,7km mặt đường BTXM	2023-2024	500	500	500		
33	Đường ra khu sản xuất bán Suối Thầu Thấp	Bán Suối Thầu	Chiều dài tuyến L= 0,9km mặt đường BTXM	2024-2025	716	716	716		
34	Xây dựng nhà Văn Hóa Bán Đoàn Kết	Bán Đoàn Kết	Nhà cấp IV diện tích 200m2	2024-2025	400	400	400		
35	Củng hóa đường ra khu sản xuất Chè bán Lờ Thàng 1 + Bán Lờ Thàng 2 + Bán Đông Phong	Bán Lờ Thàng 1 + Lờ Thàng 2	Chiều dài tuyến L= 0,8km mặt đường BTXM	2022	804	804	804		
36	Củng hóa đường ra khu sản xuất bán Nà Đông	Bán Nà Đông, bán Thèn Sin 1 - Bán Thèn Sin 2	Chiều dài tuyến L= 5km mặt đường BTXM	2023-2024	2.216	2.216	2.216		

2

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP		
37	Làm đường nội đồng bản Thên Pá (Điểm đầu ruộng Giảng A, điểm cuối ruộng Giảng A Hờ)	Bản Thên Pá, xã Tả Lèng	Chiều dài tuyến L= 0,5km mặt đường BTXM	2022	550	550		550	
38	Làm đường nội đồng bản Thên Pá (khu Hàng A, Mái)	Bản Thên Pá, xã Tả Lèng	Chiều dài tuyến L= 0,9km mặt đường BTXM	2022	1.186	1.186		1.186	
39	Đường nội đồng bản Sin Cầu, xã Giang Ma	Bản Sin Cầu, xã Giang Ma	GTNT C chiều dài L= 0,8km mặt đường BTXM	2022	836	836		836	
40	Đường trục bản Ngải Chù	Bản Ngải Trù, xã Giang Ma	Chiều dài tuyến L= 0,43km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	900	900		900	
41	Đường trục bản Chu Va 6	Bản Chu Va 6, xã Sơn Bình	Chiều dài tuyến L= 1,1km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	1.306	1.306		1.306	
42	Đường nội bản Chu Va 6	Bản Chu Va 6, xã Sơn Bình	Chiều dài tuyến L= 0,25km mặt đường BTXM và các công trình trên tuyến	2022	430	430		430	
43	Sửa chữa nâng cấp đường khu Pá Do	Nà Luông, xã Nà Tâm	Sửa chữa mặt đường một số vị trí đã xuống cấp. Nâng cao thành mương, rãnh thoát nước và làm mới tấm đan dọc tuyến đường trục bản L= 0,19km	2022-2023	250	250		250	
44	Sửa chữa, nâng cấp đường Cuông bản	Nà Hiêng, xã Nà Tâm	Sửa chữa mặt đường một số vị trí đã xuống cấp. Đầu tư nâng cấp rãnh thoát nước L= 200m	2022	135	135		135	
45	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường trục bản Coóc Nọc	Coóc Nọc, xã Nà Tâm	Chiều dài tuyến L= 0,36km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước	2022	821	821		821	
46	Đầu tư, sửa chữa nâng cấp tuyến đường trục bản Nà Ít	Nà Ít, xã Nà Tâm	Chiều dài tuyến L= 0,25km mặt đường BTXM; rãnh thoát nước	2022	530	530		530	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú		
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP			Nguồn khác	
	 Vốn cho huyện dự kiến đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025					67.254	51.734	15.520	-	51.734	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Bình Lư - Nà Tâm - Bàn Bò	Xã Nà Tâm; Bàn Bò	Nâng cấp, sửa chữa đoạn từ Trụ sở UBND xã Nà Tâm đến bản Hợp Nhất xã Bàn Bò	2022	9.594	7.380	2.214			7.380	
2	Trung tâm Giáo dục - Thương xuyên	xã Bình Lư	Đầu tư xây dựng các phòng thuộc Trung tâm và các công trình phụ trợ khác.	2023-2025	6.500	5.000	1.500			5.000	
3	Đầu tư Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện	Huyện Tam Dương	Xây dựng Hội trường 350 chỗ ngồi. Xây dựng bể bơi 200m2 và các hạng mục phụ trợ khác	2023-2025	13.000	10.000	3.000			10.000	
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bản Giang - Nùng Năng và các công trình trên tuyến	Xã Bản Giang, Nùng Năng	Bê tông hóa tuyến đường, với chiều dài 7,6km; xây dựng mới cầu bê tông và đường dẫn hai đầu cầu.	2023-2025	18.200	14.000	4.200			14.000	
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường QL4D - Tà Lèng - San Tra Máu, xã Tà Lèng	Xã Tà Lèng	Nâng cấp mặt đường và công trình trên tuyến	2023-2025	9.560	7.354	2.206			7.354	
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Khun Há	Xã Khun Há	Nâng cấp mặt đường và công trình trên tuyến với chiều dài 5,6km	2023-2025	10.400	8.000	2.400			8.000	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Tam Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Trong đó Nguồn sự nghiệp Nguồn khác			
	TỔNG CỘNG				238.452	201.430	-	5.466	31.556	201.430	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				10.699	10.699	-	-	-	10.699	
1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở		02 hộ		80	80				80	
2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở		07 hộ		280	280				280	
3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất		69 hộ		1.553	1.553				1.553	
4	Nội dung 6: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung				8.786	8.786	-	-	-	8.786	
	Cụm công trình: NSH bản Nà Tăm; NSH bản Nà Ván, xã Nà Tăm		177 hộ	2022-2023	2.906	2.906				2.906	
	Cụm công trình: NSH bản Cò Nọt Mông, NSH bản Nậm Phát, xã Bàn Bò		101 hộ	2022-2023	2.906	2.906				2.906	
	NSH bản Rừng ỏi Khèo Thầu, xã Hồ Thầu		126 hộ	2023-2025	2.974	2.974				2.974	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				21.000	20.665	-	157	178	20.665	
1	Sắp xếp ổn định dân cư bản Na Đông 1, xã Thèn Sin huyện Tam Đường		90 hộ	2022-2024	21.000	20.665		157	178	20.665	
III	Dự án 3				41.570	5.496	-	5.309	30.765	5.496	
1	Tiêu dự án 2 (Nội dung 2): Đầu tư, hỗ trợ vùng trồng được liệu quý				41.570	5.496	-	5.309	30.765	5.496	
	Huyện Tam Đường (Dự kiến trồng 20 ha Sâm Lai Châu (03 dự án) tại các xã Khun Há, Giang Ma, Hồ Thầu); Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng (bao gồm 50 triệu đồng/ha xây dựng cơ sở hạ tầng)		20ha	2022-2024	41.570	5.496		5.309	30.765	5.496	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn sự nghiệp		
IV	Dự án 4: Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			101.488	101.488	-	-	101.488		
1	Đường trục các bản Giang Ma, bản Xin Chải, bản Sừ Thàng; Đường ngõ bản các bản; Đường nội đồng các bản xã Giang Ma	Xã Giang Ma	8,0	2022-2023	5.000			5.000		
2	Đường liên bản Nà Tâm đến bản Nà Văn, Phiêng Giang đến bản Cuông; Đường ngõ bản các bản xã Nà Tâm; Đường trục bản Nà Luông, bản Nà Hiêng	Xã Nà Tâm	6,1	2022-2023	6.400			6.400		
3	Đường liên bản San Tra Mán - Bản Phìn Ngan Xin Chải; Đường nội đồng, ngõ bản các bản xã Tà Lèng	Xã Tà Lèng	8,1	2023-2025	6.700			6.700		
4	Nâng cấp các tuyến đường trục bản Huổi Ke, đường nội đồng các bản Huổi Ke, Tân Hợp; Đường nội đồng vùng chè Hua Bó, bản Tân Hợp	Xã Sơn Bình	4,3	2022-2023	6.498			6.498		
5	Nâng cấp các tuyến đường nội đồng bản 46, Chu Va 6	Xã Sơn Bình	1,3	2022-2023	1.500			1.500		
6	Đường nội đồng các bản xã Thèn Sin (bản Sin Cẩu; bản Pan Kheo); đường ra khu sản xuất bản Na Đông, Thèn Sin 1, Lờ Thàng 1+2	Xã Thèn Sin	11,3	2023-2025	8.117			8.117		
7	Đường trục bản Nà Can; bản Phiêng Hoi; Đường ngõ bản các bản xã Bản Bo (Hua Săng; Nậm Phát; Cò Nọt Mông; Nà Khuy; Phiêng Tiên; Nà Út; Nà Can); Đường nội đồng các bản xã Bản Bo (Hua Săng; Nậm Phát; Cò Nọt Mông; Nà Khuy; Phiêng Tiên; Hợp Nhất; Nà Can)	Xã Bản Bo	6,2	2024-2025	11.423			11.423		
8	Đường ra khu sản xuất bản Hoa Di Hồ, xã Bản Hòn	Xã Bản Hòn	0,8	2022-2023	1.250			1.250		
9	Đường giao thông liên bản Noong Luông-Nà San xã Bình Lư; đường trục bản, ngõ bản các bản (Nà Cà, Noong Luông, Nà San); Đường giao thông nội đồng các bản (Nà Đon, Nà Phát)	Xã Bình Lư	7,5	2023-2025	6.250			6.250		
10	Xây cầu bản BTCT qua suối bản Ma Sao Phìn cao, bản Thèn Thầu	Xã Khun Há	2,0	2024-2025	800			800		
11	Đường nội đồng bản Phố Hồ Thầu; đường trục các bản Chù Lìn, Rừng Ói-Khèo Thầu, Tả Chải	Xã Hồ Thầu	5,5	2023-2025	5.000			5.000		
12	Đường liên bản bản Chín Chu Chải - Sáy San 3	Xã Nùng Năng	2,0	2022-2023	2.500			2.500		
13	Đường trục bản Tân Phù Nhiều, Suối Thầu; Đường nội đồng bản Nà Bò, Cốc Pa	Xã Bản Giang	5,4	2023-2025	5.000			5.000		
14	Đường nội đồng các bản Ma Sao Phìn Thấp, Sản Phàng Thấp, đường trục bản Ngải Thầu Thấp + rãnh thoát nước	Xã Khun Há	4,3	2024-2025	5.600			5.600		

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Chí chú
					Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn sự nghiệp		
15	Đường ra khu sản xuất các bản Phan Châu Hòa, Xi Mên Khan, Sây San	Xã Nùng Nàng	2,5	2023-2025	3.750				3.750	
16	Thủy lợi Háng Lả (Háng A Chính) bản Thôn Bả	Xã Tả Lèng	10,0	2022-2023	1.000				1.000	
17	Thủy lợi Sừ Thăng, Phìn Chải	Xã Giang Ma	30,0	2023-2025	2.500				2.500	
18	Thủy lợi Nà Luồng bản Nà Luồng	Xã Nà Tâm	30,0	2023-2025	1.100				1.100	
19	Thủy lợi Tẻ Suối Ngải, thị trấn Tam Đường	Bản Thác Tinh, thị trấn Tam Đường	2,7	2023-2025	1.100				1.100	
20	Đường từ bản Phìn Ngan Xin Chải đến trung tâm xã Tả Lèng	Xã Tả Lèng	6,5	2024-2025	10.400				10.400	
21	Đường từ bản Giang Ma và bản Sin Cầu đến trung tâm xã Giang Ma	Xã Giang Ma	6,0	2024-2025	9.600				9.600	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				8.192				8.192	
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Giang Ma	Xã Giang Ma	08 phòng học thông thường và bộ môn; 01 nhà bếp, nhà ăn	2022-2024	7.055				7.055	
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Khun Há	Xã Khun Há	01 nhà bếp, nhà ăn	2022-2024	1.137				1.137	
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				15.833				15.220	613
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm du lịch tiêu biểu				2.000				1.900	100
	Bản Sĩ Thấu Chải - xã Hồ Thầu - huyện Tam Đường	Xã Hồ Thầu	1	2023-2025	1.000				950	50
	Bản Lao Chải 1 - xã Khun Há, Tam Đường.	Xã Khun Há	1	2022	1.000				950	50
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số				8.433				8.190	243
	Dân tộc Lự (Bản Thâm, xã Bàn Hôn, huyện Tam Đường)	Xã Bàn Hôn	1	2024-2025	8.433				8.190	243

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Chí chú
					Tổng số	Trong đó				
						Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn sự nghiệp		
3	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn (gồm 18 nhà văn hóa tại các bản: Tả Cu Tỳ, xã Giang Mạ, Suối Thầu, xã Bản Giang; Sin Cẩu, Nà Đông, Phan Khèo xã Thên Sáy, Mạ Sao Phìn, Thấp, Sần Phàng Cao, Nậm Đích, Mạ Sao Phìn Cao xã Kham Hả; Nà Can, Hợp Nhất, Nà Khương, Nà Khuy xã Bản Bò; Pho Lao Chải, Lùng Trù Hồ Pên xã Tả Leng; Nà Đon xã Bình Lự; Sáy San I xã Nùng Năng; Huổi Ke xã Sơn Bình)	Các bản	18 NVH	2022-2023	5.400	5.130	-	270	5.130	
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn				39.670	39.670	-	-	39.670	
1	Đường Ngõ Bản Phiêng Páng xã Bản Bò	Xã Bản Bò	0,4km	2024-2025	400	400			400	
2	Nâng cấp trục đường liên bản Bải Trầu - Nà Khum, đường ngõ bản, đường nội đồng, rãnh thoát nước bản Bải Trầu	Xã Bản Hòn	3,6km	2023-2025	8.650	8.650			8.650	
3	Nâng cấp đường trục bản Bản Thảm, xã Bản Hòn	Xã Bản Hòn	0,8km	2024-2025	1.500	1.500			1.500	
4	Nâng cấp đường trục + hệ thống thoát nước Bản Thảm	Xã Bản Hòn	0,5km	2024-2025	1.000	1.000			1.000	
5	Đường đi vào khu chuồng trại tập trung, Đường Vào khu sản xuất đối chẻ, Đường vào khu sản xuất khu Bá khoa, đường nội đồng bản Thảm	Xã Bản Hòn	3,1km	2023-2025	5.400	5.400			5.400	
6	Đường ngõ bản, đường nội đồng, hệ thống rãnh thoát nước bản Đông Pao2	Xã Bản Hòn	3,5km	2024-2025	5.200	5.200			5.200	
7	Xây kè đá ngăn lũ bờ suối Nậm Mu bản Phiêng Páng	Xã Bản Bò	0,5km	2023-2025	2.500	2.500			2.500	
8	Công trình thủy lợi qua suối Nậm Mu khe Huổi Chim bản Phiêng Páng	Xã Bản Bò	10ha	2022-2023	6.000	6.000			6.000	
9	Thủy Lợi Nậm Đeng bản Bải Trầu	Xã Bản Hòn		2024-2025	300	300			300	
10	Thủy lợi Nà Nong Luống Bản Thảm	Xã Bản Hòn	2ha	2022	400	400			400	
11	Tu sửa Mương thủy lợi Bản Thảm	Xã Bản Hòn		2024-2025	700	700			700	



8

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó					
						Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Ngân sự nghiệp	Nguồn khác		
12	Thủy lợi Huồi ít 2 bản Đông Pao 2	Xã Bán Hôn	10ha	2024-2025	850	850				850	
13	Thủy lợi Huồi ít bản Đông Pao 2	Xã Bán Hôn	13ha	2023-2025	500	500				500	
14	Thủy lợi Đông Pao 2	Xã Bán Hôn	7 ha	2024-2025	400	400				400	
15	Thủy lợi Tỳ Sáng bản Đông Pao 2	Xã Bán Hôn	8 ha	2024-2025	750	750				750	
16	Xây dựng Kê bê tông nhà Văn hoá bản Đông Pao 2	Xã Bán Hôn	0,04 km	2024-2025	2.300	2.300				2.300	
17	Thủy lợi nương tòn xã Bán Hôn	Xã Bán Hôn	25ha	2022	1.000	1.000				1.000	
18	Công trình nhà văn hóa bản Phiêng Páng xã Bán Bo	Xã Bán Bo	120m2	2024-2025	770	770				770	
19	Xây dựng mới nhà văn hoá và các công trình phụ trợ bản Bãi Trầu	Xã Bán Hôn	120m2	2024-2025	1.050	1.050				1.050	

